

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-PT

Ngày 17/01/2025

v/v “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phúc Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Nhật Duật.

Ông Phạm Duy Hải.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Phan Hải, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 160/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 171/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Đ, sinh năm 1976; nơi thường trú: TDP T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nơi tạm trú: S đường A, KĐT L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. **Vắng mặt tại phiên toà.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tường L, sinh năm 1984; nơi cư trú: S đường A, KĐT L, P, N, tỉnh Khánh Hòa. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 5 năm 2023). **Có mặt tại phiên toà.**

2. Bị đơn: bà Lưu Thị T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ D, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. **Vắng mặt tại phiên toà.**

Người đại diện theo ủy quyền: bà Mai Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Lô S Ô, H, xã

P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy bản ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2025).
Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Huỳnh Thị Bạch T1, Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Bạch T1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. **Có mặt tại phiên tòa.**

4. Người kháng cáo: bà Lưu Thị T, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ, lời khai của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn - ông Nguyễn Tường L và tại phiên tòa trình bày:

Khoảng tháng 11 năm 2021, giữa bà Đ và bà T thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa là tôm hùm và ốc hương, theo đó bà Đ là người cung cấp thu mua các loại tôm và ốc ở thành phố C, tỉnh Khánh Hòa chuyển cho bà T tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nhận để bán sang Trung Quốc.

Việc thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa bà Đ và bà T là thỏa thuận miệng, theo đó hai bên thống nhất sau khi cho hàng lên xe chuyển ra cho bà T tại M, bà Đ báo cho bà T về số lượng, chủng loại, kích thước, giá cả, chi phí và thông tin về xe vận chuyển theo hình thức báo qua tin nhắn của ứng dụng Zalo của hai bà, tuy nhiên giữa hai bên không thỏa thuận việc rủi ro hàng hóa trong quá trình vận chuyển, không thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền hàng cũng như không thỏa thuận về việc nhận hàng.

Sau khi thỏa thuận việc mua bán hàng hóa như trên hai bên tiến hành việc mua bán làm hai đợt: đợt 1 từ ngày 06/12/2021 đến ngày 30/01/2022; đợt 2 từ ngày 30/01/2022 đến ngày 28/02/2022. Đợt một cả hai đã thanh toán xong tiền hàng. Đợt hai tổng số tiền hàng là 69.000.000.000đ (sáu mươi chín tỷ) làm tròn số, bà T đã thanh toán được số tiền 30.500.000.000đ (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Hiện bà T còn nợ lại bà Đ số tiền: 38.500.000.000đ (ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng). Nhiều lần bà Đ yêu cầu bà T thanh toán tiền hàng còn thiếu, nhưng bà T không trả. Do vậy, bà Đ đề nghị bà T phải thanh toán số tiền hàng còn nợ cho bà Đ và không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn bà Lưu Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Hoàng T2, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bạch T1 trình bày:

Khoảng tháng 11/2021 giữa bà T và bà Đ, bà H có thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán tôm hùm và ốc hương, tại thời điểm thỏa thuận bà Đ là người bán tôm hùm và ốc hương cho bà T, việc giao nhận hàng giữa bà Đ và bà T thông qua bà H là người giao nhận hàng từ bà Đ tại C, bà H có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng bố trí

hàng cho lên xe sau đó vận chuyển hàng ra M cho bà T, việc mua bán diễn ra làm hai đợt, đợt 1 từ ngày 06/12/2021 đến ngày 30/01/2022; Đợt 2 từ ngày 30/01/2022 đến ngày 28/02/2022, đợt 1 bà T đã thanh toán xong tiền hàng cho bà Đ. Đợt 2, do bà Đ không giao hàng thông qua bà H nữa mà tự đóng hàng cho lên xe vận chuyển ra M cho bà T theo hình thức sau khi chốt số lượng hàng hóa, chủng loại, các chi phí khác bà Đ có báo với bà T và thông báo qua ứng dụng Zalo theo tin nhắn (thể hiện tại văn bản Vi bằng do bà Đ cung cấp tại Tòa án) và chuyển hàng cho bà T tại M, ngày đầu bà T mặc dù có nói với bà Đ nếu bà H không nhận ở đầu C thì bà T không nhận, tuy nhiên, khi xe hàng ra M bản thân bà T vẫn là người trực tiếp nhận hàng.

Bà T thừa nhận các chuyến hàng (17 chuyến) do bà Đ chuyển trùng khớp với các chuyến hàng mà bà Đ chuyển từ ngày 30/01/2022 đến ngày 28/02/2022. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận hàng bà T thấy tôm chết, tôm thải loại nhiều nhưng bà T không báo ngay cụ thể về số lượng tôm chết và hàng thải loại cho bà Đ với lý do vì thời điểm nhận hàng do dịch bệnh Covid-19 nên kế toán không đi làm, hàng hóa nằm chờ không xuất được sang Trung Quốc nên sau khi hàng hóa xuất sang Trung Quốc trong khoảng thời gian 6, 7 tháng kế toán mới chốt sổ và báo lại cho bà T về số lượng, giá trị hàng hóa còn lại sau khi trừ đi số tôm chết, tôm thải loại, từ đó bà T mới trích từ sổ và báo cho bà Đ gửi theo đường bưu điện, tuy nhiên cũng không thấy bà Đ phản hồi gì. **Bà T có quan điểm tổng giá trị của 16 lần chuyển tôm của đợt 2 là: 33.011.709.700đ, bà đã thanh toán cho bà Đ tổng cộng 30.580.000.000đ. Như vậy, bà chỉ còn nợ bà Đ 2.421.709.700đ. Đến ngày 28/02/2022, bà có mua của bà Đ số tôm giá trị là 1.268.800.000đ. Cùng thời gian đó, bà Đ còn nợ lại bà tiền ốc Hương là 3.296.299.000đ. Đối trừ số tiền trên, bà T chỉ còn nợ bà Đ số tiền 394.211.000đ.** Do vậy bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc đã gửi thông báo cho bà Đ.

**Người làm chứng bà Mai Thị H xác nhận về lời khai của bị đơn:* tại thời điểm thỏa thuận việc mua bán hàng hóa là tôm hùm và ốc hương giữa bà Đ và bà T được thỏa thuận miệng, theo đó bà Đ có tôm hùm bán cho bà T, bà Đ giao hàng cho bà T với hình thức bà Đ giao hàng cho bà H nhận tại C, bà H có trách nhiệm kiểm tra chất lượng. Chủng loại và số lượng sau đó chủ động thuê xe chở hàng ra cho bà T, tuy nhiên đến tháng 01/2022 trở đi, đối với số tôm của đợt 2, bà Đ giao hàng trực tiếp cho bà T không thông qua bà H nữa, nên bà không biết việc mua bán giữa bà Đ và bà T như thế nào.

** Người làm chứng bà Trần Thị Mỹ H1 tại phiên tòa có lời khai:* bà H1 có bán tôm hùm cho bà Đ, tuy nhiên bà không biết rõ việc mua bán cụ thể giữa bà T và bà Đ như thế nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xác nhận bà T đã trả cho bà Đ số tiền mua tôm đợt 2 tổng cộng là **30.580.000.000đ (ba mươi tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng)**.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ về yêu cầu đòi tiền hàng còn nợ đối với bà Lưu Thị T. Buộc bà Lưu Thị T phải trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 38.460.000.000đ (*ba mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu đồng*). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đ cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2024, bị đơn bà Đàm Thị T3 có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/12/2024, bị đơn bà Lưu Thị T có đơn đề nghị Tòa án thu thập thông tin xác minh và lời khai của các đương sự, người làm chứng tại hồ sơ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đang quản lý về nội dung giao dịch giữa bà Lê Thị Đ và bà Lưu Thị T để làm rõ chất lượng tôm khi bị đơn nhận hàng từ bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có quan điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, đối với chuyển hàng thứ 17, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 1.594.488.000đ mà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 1.268.800.000đ. **Nguyên đơn có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.**

Bị đơn không đồng ý với giá trị các chuyển hàng mà nguyên đơn đã yêu cầu vì thực tế khi nhận hàng, chất lượng hàng không đảm bảo nên giữa hai bên không thống nhất được giá trị của từng chuyển hàng nói riêng và tổng giá trị 17 chuyển hàng nói chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh rõ nội dung trên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: **đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; do cấp sơ thẩm có sai sót trong tính toán số tiền nguyên đơn đã trả cho bị đơn, nên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về kháng cáo: kháng cáo của bà Lưu Thị T (bị đơn) được thực hiện trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua tôm phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai cá nhân với mục đích thu lời, C sơ thẩm xác định đây là **quan hệ tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng**. Toà án cấp phúc thẩm xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hoá giữa hai cá nhân, tuy nhiên việc xác định lại quan hệ tranh chấp không ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết vụ án và quyền của các đương sự, chỉ thay đổi điều luật áp dụng về thẩm quyền từ Điều 30 thay bằng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như nghĩa vụ chịu án phí.

[1.3] Về xác định thiếu người tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm chưa xác định chồng bà Đ có liên quan đến tài sản tranh chấp hay không. Hội đồng xét xử thấy, do bà Đ là nguyên đơn, việc giải quyết vụ án đã đảm bảo quyền lợi của bà Đ, nếu giữa vợ chồng bà Đ có tranh chấp về tài sản trên, sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hợp đồng mua bán hàng hóa:

Về thỏa thuận mua bán hàng hóa, hai bên không lập hợp đồng thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng và qua điện thoại sử dụng ứng dụng Zalo, các bên đều thừa nhận tài khoản Zalo của nhau. Như vậy, Hợp đồng mua bán hàng hóa này giữa hai bên là hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận và thống nhất từ ngày 30/01/2022 đến ngày 28/02/2022, bà Đ đã chuyển cho bà T 17 chuyến hàng chở tôm hùm vào các ngày 30 và 31/01/2022 và các ngày 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 17, 18, 19, 20, 23 và 28/02/2022. Cụ thể:

1/. Chuyến 1 (ngày 30/01/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 6.305.273.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.470.074.200đ.

2/. Chuyến 2 (ngày 31/01/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 2.955.841.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 1.162.707.000đ.

3/. Chuyến 3 (ngày 02/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 4.490.500.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 1.942.047.000đ.

4/. Chuyến 4 (ngày 03/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 5.214.952.000đ

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.686.740.000đ

5/. Chuyến 5 (ngày 04/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 4.404.071.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.085.363.000đ.

6/. Chuyến 6 (ngày 05/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 1.807.880.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 1.089.875.000đ

7/. Chuyến 7 (ngày 06/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 2.805.187.000đ

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.203.532.000đ

8/. Chuyến 8 (ngày 07/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 1.920.938.000đ

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 923.532.000đ

9/. Chuyến 9 (ngày 08/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 1.429.252.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 905.930.000đ.

10/. Chuyến 10 (ngày 09/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 2.743.779.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 972.874.000đ.

11/. Chuyến 11 (ngày 10/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 6.748.666.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.411.749.000đ.

12/. Chuyến 12 (ngày 17/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 5.351.137.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.849.382.500đ.

13/. Chuyến 13 (ngày 18/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 6.460.371.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 3.670.847.000đ.

14/. Chuyến 14 (ngày 19/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 1.934.657.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 1.076.203.000đ.

15/. Chuyến 15 (ngày 20/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 5.350.731.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 2.766.029.000đ.

16/. Chuyến 16 (ngày 23/02/2022): Số tiền nguyên đơn yêu cầu: 7.672.685.000đ.

Bị đơn có quan điểm giá trị chuyến hàng này là: 3.754.823.500đ.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn có quan điểm chuyến hàng chở tôm thứ 17 vào ngày 28/02/2022 có giá trị: 1.594.488.000đ; bị đơn có quan điểm giá trị của chuyến hàng trên là 1.268.800.000đ. Nguyên đơn chấp nhận giá trị chuyến hàng thứ 17 mà bị đơn đã đưa ra là 1.268.800.000đ. Như vậy, tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là: 68.864.720.000đ.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 30.580.000.000đ.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn cho rằng 17 chuyến hàng (chuyến thứ 17 đã thống nhất được giá) mà bị đơn nhận của nguyên đơn chỉ có giá trị 34.240.508.200đ, đây mới là giá trị thật của các chuyến hàng vì lý do tôm không đúng chủng loại, bị chết nhiều.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 16 chuyến hàng hàng chở tôm (từ ngày 30/01/2022 đến ngày 23/02/2022), bà Đ khi chuyến hàng đều chụp ảnh lại giá trị, chủng loại, khối lượng của từng chuyến hàng, gửi cho bà T qua ứng dụng Zalo; bà T sau khi

nhận hàng đều không có ý kiến gì với bà Đ về số lượng chất lượng, giá trị các chuyển hàng và đều tiếp tục đặt hàng, nhận hàng ở các chuyển sau đó. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định, hai bên đã thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền của 16 lần giao hàng đầu tiên theo giá mà nguyên đơn đã cung cấp. Tổng cộng là: **67.595.920.000đ (sáu mươi bảy tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng) (1).**

Đối với lần giao hàng thứ 17 vào ngày 28/02/2022, nguyên đơn rút một phần số tiền yêu cầu, đồng ý với bị đơn về giá trị chuyển hàng trên là **1.268.800.000đ (2)**, đây là sự thỏa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của các đương sự. Như vậy, tổng giá trị của hợp đồng mua bán hàng hoá giữa bà Đ và bà T là $(1) + (2) = 68.864.720.000đ$ (sáu mươi tám tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và bà T đã thanh toán cho bà Đ là **30.580.000.000đ (ba mươi tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng)**. Như vậy, bà T còn phải trả cho bà Đ số tiền **38.284.720.000đ (ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)**.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Lưu Thị T.

[3] Về đơn đề nghị Toà án xác minh thu thập chứng cứ của bị đơn tại hồ sơ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đang quản lý về nội dung giao dịch giữa bà Lê Thị Đ và bà Lưu Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã tạm ngừng phiên toà để bà T thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà T không thu thập, nên không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc thu thập, xác minh tài liệu chứng cứ trên.

[4] Đối với số tiền bà T cho rằng bà Đ nợ tiền mua ốc là 3.296.299.000 đồng, cần trừ vào tiền hàng mà bà T còn nợ bà Đ. Xét thấy đây là số tiền trong một giao dịch dân sự khác, trong vụ án này, bà T không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định không đúng giá trị hợp đồng mua bán, bên cạnh đó, mặc dù tài liệu chứng cứ thể hiện bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 30.580.000.000đ, các đương sự đều thừa nhận về số tiền này, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 30.540.000.000đ là không đúng với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự, từ đó xác định nghĩa vụ của bị đơn phải thanh toán 38.460.000.000đ (ba mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu đồng) là chưa chính xác và tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn có quan điểm đối với chuyển hàng thứ 17 xác định lại giá trị là 1.268.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại và sửa phần nghĩa vụ thanh toán của bị đơn là **38.284.720.000đ (ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)**.

Ngoài ra, theo tài liệu trong hồ sơ (bản tự khai, Căn cước công dân) và tại phiên toà, nơi thường trú của bị đơn là Tổ 4 **khú H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh**. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm lại xác định tại Bản án sơ thẩm địa chỉ của bị đơn là Tổ D khu H, phường N, thành phố M là chưa chính xác, nên cần phải sửa lại cho đúng địa chỉ của bị đơn.

[6] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ về việc thanh toán tiền nợ mua hải sản đối với bà Lưu Thị T. Bà Lưu Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền **38.284.720.000đ (ba mươi tám tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đ cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lưu Thị T có nghĩa vụ nộp **146.284.720đ** án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003237 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh); bà T còn có nghĩa vụ nộp **146.284.720đ (một trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi đồng) án phí**.

Trả lại cho bà Lê Thị Đ số tiền 73.250.000đ (bảy ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003093 ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2025)./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Móng Cái;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Phúc Lâm